

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thể dục thể thao; Chuyên ngành: Giáo dục thể chất & Huấn luyện thể thao

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: ĐÀM TRUNG KIÊN

2. Ngày tháng năm sinh: 26/3/1979; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Hương Mạc - thị xã Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố) Số 34 khu phố Hạ - phường Đình Bảng - thị xã Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Đàm Trung Kiên - Phòng Khảo thí & đảm bảo chất lượng giáo dục - Trường đại học TDTT Bắc Ninh - đường Nguyễn Văn Cừ - phường Trang Hạ - thị xã Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0982882005

E-mail: damtrungkien2008@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2000 đến năm 2011: là giảng viên bộ môn Điền kinh, Cờ tạ

Từ năm 2011 đến năm 2014: Phó trưởng khoa Quản lý TDTT

Từ năm 2015 đến nay: Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng Khảo thí & đảm bảo chất lượng giáo dục - Trường đại học TDTT Bắc Ninh

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Cơ quan công tác hiện nay: Trường đại học TDTT Bắc Ninh thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Địa chỉ cơ quan: Trường Đại học TDTT Bắc Ninh - đường Nguyễn Văn Cừ - phường Trang Hạ - thị xã Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh;

Điện thoại cơ quan: 02223831609; Địa chỉ E-mail: dhtdt1@gmail.com;

Fax: 02223832550.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Không

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 6 năm 2000, ngành: Thể dục thể thao, chuyên ngành: Giáo dục thể chất.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học TDTT 1, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 9 năm 2003, ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường đại học TDTT 1, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 06 tháng 7 năm 2009, ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: Huấn luyện thể thao.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Bộ GD & ĐT - Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng.....năm....., ngành: -, chuyên ngành: -

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Không

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học TDTT Bắc Ninh - thị xã Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh;

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Quản lý TDTT, Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 35 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm 07 đề tài NCKH cấp cơ sở;

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã công bố (số lượng) 39 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học quốc tế đăng trên tạp chí có uy tín (2 trong nước, 4 nước ngoài);
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02 cuốn, trong đó 02 cuốn thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp Bộ

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 21 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015	0	2	4	1	104	0	104/244/130
2	2015-2016	0	2	4	2	45	0	45/557/67
3	2016-2017	0	2	4	2	45	0	45/504/81
03 năm học cuối								
4	2017-2018	0	2	4	0	45	0	45/634/67
5	2018-2019	0	2	3	5	45	0	45/598/68
6	2019-2020	0	2	2	0	45	0	45/524/67

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên;
số bằng: 0005629; năm cấp: 2017

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Văn bằng 2 ngôn ngữ Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2009 đến 2021	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Quách Thị Mai Hương		CH	x		2009 - 2012	ĐH TDTT BN	14/02/2012
2.	Nguyễn Thị Lý		CH	x		2009 - 2012	ĐH TDTT BN	14/02/2012
3.	Phạm Văn Tùng		CH	x		2010 - 2012	ĐH TDTT BN	09/01/2013
4.	Trương Đức Sinh		CH	x		2010 - 2012	ĐH TDTT BN	09/01/2013
5.	Cao Thị Đạm		CH	x		2011 - 2013	ĐH TDTT BN	22/11/2013
6.	Trần Cao Khánh		CH	x		2011 - 2013	ĐH TDTT BN	22/11/2013
7.	Nguyễn Hoàng Diệp		CH	x		2011 - 2013	ĐH TDTT BN	22/11/2013
8.	Patsaphanh Bounly		CH	x		2011 - 2013	ĐH TDTT BN	22/11/2013
9.	Nguyễn Lê Hải		CH	x		2011 - 2013	ĐH TDTT BN	22/11/2013
10.	Nguyễn Duy Dân		CH	x		2012 - 2014	ĐH TDTT BN	02/12/2014
11.	Hoàng Mạnh Cường		CH	x		2012 - 2014	ĐH TDTT BN	02/12/2014
12.	Nguyễn Đức Chinh		CH	x		2012 - 2014	ĐH TDTT BN	02/12/2014
13.	Đàm Nhật Quang		CH	x		2012 - 2014	ĐH TDTT BN	02/12/2014

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2009 đến 2021	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
14.	Khamla Keomeuangsam		CH	x		2013 - 2015	ĐH TDTT BN	30/11/2015
15.	Phạm Thị Hoàn		CH	x		2013 - 2015	ĐH TDTT BN	30/11/2015
16.	Đàm Thận Nguyễn		CH	x		2013 - 2015	ĐH TDTT BN	30/11/2015
17.	Nguyễn Thị Thương		CH	x		2013 - 2015	ĐH TDTT BN	30/11/2015
18.	Lương Duyên Thông		CH	x		2014 - 2016	ĐH TDTT BN	21/11/2016
19.	Trần Thị Thoan		CH	x		2014 - 2016	ĐH TDTT BN	21/11/2016
20.	Phongsay Kommameuang		CH	x		2014 - 2016	ĐH TDTT BN	21/11/2016
21.	Nguyễn Kim Quang		CH	x		2014 - 2016	ĐH TDTT BN	21/11/2016
22.	Nguyễn Thị Thùy Linh		CH	x		2015 - 2017	ĐH TDTT BN	22/11/2017
23.	Trần Quang Dũng		CH	x		2015 - 2017	ĐH TDTT BN	22/11/2017
24.	Trương Thị Yến		CH	x		2015 - 2017	ĐH TDTT BN	22/11/2017
25.	Đậu Quốc Quân		CH	x		2015 - 2017	ĐH TDTT BN	22/11/2017
26.	Trần Thị Yến Hoa		CH	x		2016 - 2018	ĐH TDTT BN	24/12/2018
27.	Lưu Ngọc Hoàn		CH	x		2016 - 2018	ĐH TDTT BN	24/12/2018
28.	Hồ Trường Thắng		CH	x		2016 - 2018	ĐH TDTT BN	24/12/2018
29.	Keo Xayyatham		CH	x		2016 - 2018	ĐH TDTT BN	24/12/2018
30.	Vũ Thị Thu Thùy		CH	x		2017 - 2019	ĐH TDTT BN	06/12/2019
31.	Bùi Thị Thu Thùy		CH	x		2017 - 2019	ĐH TDTT BN	06/12/2019
32.	Dương Hùng Cường		CH	x		2017 - 2019	ĐH TDTT BN	06/12/2019

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2009 đến 2021	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
33.	Nguyễn Thị Thu		CH	x		2017 - 2019	ĐH TDTT BN	06/12/2019
34.	Nguyễn An Hưng Thịnh		CH	x		2018 - 2020	ĐH TDTT BN	25/12/2020
35.	Khamphand Panyasoulideth		CH	x		2018 - 2020	ĐH TDTT BN	25/12/2020
36.	Patsaphanh Bounly	NCS			x	2015 - 2020	ĐH TDTT BN	2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học Điện kinh (Dành cho sinh viên chuyên sâu điện kinh chuyên ngành GDTC và HLTT)	Hướng dẫn	Nxb TDTT 2009	2	Chủ biên (biên soạn phần 1)		Số: 485/GXN-TDTTBN Ngày 01/7/2019
2	Các bài tập thể lực trong điện kinh	Tham khảo	Nxb TDTT 2012	3	Biên soạn		Số: 484/GXN-TDTTBN

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Ứng dụng thiết bị Nautilus trong huấn luyện sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu Điền kinh Trường Đại học TDTT I	CN	Cấp cơ sở	2008	17/12/2008 KQ: Đạt
2	Nghiên cứu lựa chọn bài tập nhằm khắc phục những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật cử đẩy cho sinh viên cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	CN	Cấp cơ sở	2008	21/12/2009 KQ: Đạt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Đề án: Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập thực hành theo các học phần trong quá trình đào tạo sinh viên chuyên ngành GDTC trường ĐH TDTT Bắc Ninh	CN	Cấp cơ sở	2010	29/11/2010 KQ: Đạt
2	Nghiên cứu xây dựng bài giảng kỹ thuật đẩy tạ Lung hướng ném trên công nghệ video 3D	CN	Cấp cơ sở	2010	16/12/2011 KQ: Đạt
3	Khảo sát thực trạng nhu cầu tuyển dụng cán bộ phong trào thể thao của các cơ sở có sinh viên ngành Quản lý TDTT trường Đại học TDTT Bắc Ninh	CN	Cấp cơ sở Mã số: QL-CT/12/01	2012	28/11/2013 KQ: Đạt
4	Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đại	TK	Cấp cơ sở Mã số: QL/15/03	2015	01/12/2015 KQ: Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	học của trường Đại học TDTT Bắc Ninh				
5	Nghiên cứu tốc độ chạy đà trong nhảy xa của các VĐV có đẳng cấp khác nhau tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh.	CN	Cấp cơ sở Mã số: HLTT/15/02	2015	01/12/2015 KQ: Đạt
6	Nghiên cứu đổi mới qui trình quản lý điểm trong đảm bảo CLGD tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh.	CN	Cấp cơ sở Mã số: QL/16/03	2016	24/11/2016 KQ: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1.	Xây dựng tiêu chuẩn thể lực cho sinh viên chuyên sâu điền kinh trường đại học TDTT	01	x	Tạp chí khoa học thể thao ISSN 1859-4662			Số 1 31-35	2004
2.	Nghiên cứu lựa chọn hệ thống bài tập hỗ trợ nhằm hoàn thiện kỹ thuật XFT và chạy lao sau xuất phát cho sinh viên chuyên sâu điền kinh trường ĐH TDTT 1	01	x	Nội san Trường			Số 14 49-51	2005
3.	Đánh giá diễn biến tốc độ của vận động viên	01	x	Tuyển tập NCKH			Số đặc biệt 353-359	2006

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	chạy 100m Việt Nam							
	Xây dựng thang điểm các môn thực hành trong 4.chương trình phổ cập Điền kinh trường Đại học TĐTT I	02	x	Tuyển tập NCKH			Số đặc biệt 241-247	2006
	Tốc độ phản ứng có ý nghĩa gì đối với thành tích chạy 100m của các vận động viên	01	x	Nội san Trường			Số 22 1-3	2007
	Cơ sở sinh lý và phương pháp huấn luyện tốc độ cho VĐV chạy ngắn	01	x	Nội san Trường			Số 24 14-20	2007
	Xây dựng tiêu chuẩn thể lực chuyên môn cho VĐV chạy 100m cấp cao Việt Nam	01	x	Tạp chí khoa học thể thao ISSN 1859-4662			Số 4 29-36	2007
	Nghiên cứu năng lực yếm khí ở VĐV chạy cự ly 100m	02	x	Hội nghị quốc tế về khoa học thể thao			181-186	2007
	Ứng dụng thiết bị Nautilus trong huấn luyện sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu Điền kinh Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh (Ngành huấn luyện viên)	01	x	Tuyển tập NCKH			Số đặc biệt 453-461	2008
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
	Lựa chọn test đánh giá thể lực cho VĐV chạy 1500m	01	x	Hội nghị khoa học quốc tế về NCKH phục vụ phát triển VH,TT-DL			305-310	2009

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
11.	Đánh giá thực trạng và xác định nguyên nhân dẫn đến sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật cử đẩy cho sinh viên trường Đại học TDTT Bắc Ninh	01	x	Hội nghị khoa học về Giáo dục thể chất và Y tế trường học lần thứ V			273-277	2010
12.	Đặc điểm kỹ thuật đẩy tạ Lung hướng ném trong môn ĐK	01	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số 2 22-25	2012
13.	Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện cho nam VĐV Chạy 100m cấp I và Kiện tướng	01	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số 5 65-68	2013
14.	Khảo sát thực trạng đào tạo đội ngũ VĐV Tuyển trẻ quốc gia tại Trung tâm đào tạo VĐV trường Đại học TDTT Bắc Ninh	02	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số đặc biệt 130-135	2013
15.	Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện cho nữ VĐV chạy 100m cấp cao	01	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số đặc biệt 150-154	2013
16.	Khảo sát thực trạng cán bộ phong trào thể dục thể thao các cơ sở có sinh viên ngành Quản lý TDTT	02	x	Tạp chí khoa học thể thao ISSN 1859-4662			Số 1 38-42	2014
17.	Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, đào tạo VĐV tuyển trẻ tại	02		Hội nghị quốc tế về khoa học thể dục thể thao			Số đặc biệt 92-95	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Trung tâm đào tạo VĐV, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh							
18.	Lựa chọn bài tập phát triển thể lực cho nam sinh viên Học viện An ninh nhân dân theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe	02		Tạp chí khoa học thể thao ISSN 1859-4662			Số 1 41-43	2015
19.	Thực trạng thể lực và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả rèn luyện thể lực cho sinh viên Học viện An ninh	02		Tạp chí khoa học thể thao ISSN 1859-4662			Số 2 60-63	2015
20.	Diễn biến tốc độ chạy đà của các VĐV nam nhảy xa có trình độ khác nhau tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	02	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số 1 59-63	2016
21.	Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đại học của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	01	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số 3 74-79	2016
22.	Thực trạng các tham số đánh giá tốc độ chạy đà đối với VĐV nhảy xa có trình độ khác nhau	01	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số 5 47-49	2016
23.	Nghiên cứu tốc độ chạy đà của các VĐV nữ nhảy xa có trình độ khác nhau tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	01	x	Tạp chí khoa học thể thao ISSN 1859-4662			Số 5 23-25	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
24.	Đề xuất giải pháp thực hiện quy trình quản lý điểm tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	01	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số đặc biệt 114-117	2016
25.	Thực trạng tình hình, đặc điểm của công tác quản lý điểm tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	01	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số 1 40-43	2017
26.	Thực trạng công tác quản lý điểm tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh	01	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số 4 32-34	2017
27.	Đặc điểm việc làm của cử nhân Ngành GDTC khóa ĐH 48 Trường Đại học TDTT Bắc Ninh sau một năm tốt nghiệp trên địa bàn TP Hà Nội	02		Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số 5 15-19	2017
28.	Status quo of conditions to ensure training quality at Bac Ninh Sport University	01	x	Proceedings of International Conference Bacninh Sport University ISBN 978-604-85-0663-6			29-32	2017
29.	Survey conditions for job requirement meeting by students of sports management faculty at Bac Ninh Sport University	01	x	Proceedings of International Conference Bacninh Sport University ISBN 978-604-85-0663-6			39-41	2017
30.	Thực trạng sức bật của vận động viên Bóng chuyền bãi biển nữ trung	02		Tạp chí khoa học thể thao ISSN 1859-4662			Số 1 13-15	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	tâm đào tạo vận động viên Hải Phòng							
31.	Ứng dụng thiết bị Armpport Cheetah để xác định cự ly chạy đà tối ưu cho vận động viên nhảy xa	01	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số 3 63-66	2019
32.	Thực trạng thể chất của sinh viên nữ trường Đại học Quốc gia Lào	02		Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			Số 4 59-62	2019
33.	Thực trạng sức mạnh chuyên môn của nữ VĐV cử tạ lứa tuổi 13-14 trung tâm huấn luyện TDTT Bắc Ninh	02	x	Tạp chí KH ĐT & HLTT ISSN 1859-4417			59-62	2020
34.	Thực trạng hoạt động thể thao ngoại khóa của sinh viên trường Đại học Khánh Hòa	02		Tạp chí khoa học thể thao ISSN 1859-4662			Số 6 61-64	2020
35.	Selection Standards and Forecasts in Training Phages for Runer 100m, 200m Vietnam	01	x	Multi-Discriplinary international research Journal ISSN 0975-5020			Entire Research, Volume-XII, Issue-I 8-11	2020
36.	Study of Mandatory Styles and Spiritual Rehabilitation in the Selection of Ute Foundry Engagement in ull Song Lam Nghe An	02	x	Multi-Discriplinary international research Journal ISSN 0975-5020			Entire Research, Volume-XII, Issue-I 12-15	2020
37.	Thực trạng thể chất của sinh viên	02		Tạp chí khoa học thể thao			Số 1 18-20	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Trường Đại học Khánh Hòa			ISSN 1859-4662				
38.	BUILDING STANDARDS FOR STUDENT PHYSICAL ASSESSMENT FIRST YEAR LAOS NATIONAL UNIVERSITY	02	x	European Journal of Physical Education and Sport Science ISSN 2501 - 1235			Volume 6 Issue 12 2021 77-82	2021
39.	APPLICATION OF POWERFUL EXERCISES FOR FEMALE PROBLEMS AGE 13-14 OF BACNINH SPORT TRAINING CENTER - VIETNAM	02	x	XV Annual International Conference for Students and Young Researchers "Modern University Sport Science" ISBN 978-5-6045594-4-4			112-115	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 06 bài báo, bao gồm các bài có số thứ tự: 28, 29, 35, 36, 38, 39.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo chất lượng cao	Tham gia	QĐ số 893/QĐ-TDĐTBN ngày 16/10/2018	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh		
2	Chương trình đào tạo trình độ Đại học, hình thức đào tạo chính quy của trường Đại học TDTT Bắc Ninh	Tham gia	QĐ số 322/QĐ-TDĐTBN ngày 03/4/2019; QĐ số 293/QĐ-TDĐTBN ngày 25/3/2019	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh		
3	Chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch "Nghiên cứu TDTT quần chúng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững"	Tham gia	QĐ số 4775/QĐ - BVHTTDL ngày 01/12/2017	Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

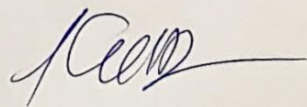
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đàm Trung Kiên